



AR-26-VZ-012124-01 / EUVN004-00011020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH HẠ TẦNG SOJITZ VIỆT NAM
 Địa chỉ : Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Bình An, TP Đồng Nai, Việt Nam
 Ngày gửi mẫu : 26/08/2026
 Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Nước thải - Sau xử lý KCN Long Đức (chai 2l)
 (Mẫu 1, thời gian lấy mẫu 8 giờ 00 phút ngày 26/8/2026)
 Tình trạng mẫu : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa
 Mã số mẫu : 607-2026-00009113

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ002 VZ	(a)	Nhiệt độ	°C	28,0	40	SMEWW 2550B:2023
2	VZ008 VZ	(a)	Màu	Pt-Co	< LOQ (10)	50	SMEWW 2120C:2023
3	VZ001 VZ	(a)	pH	-	7,61	6-9	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4	VZ00B VZ	(a)	BOD ₅	mg/l	9	24,3	SMEWW 5210B:2023
5	VZ1A5 S4		COD	mg/l	35,6	-	SMEWW 5220C:2023
6	VZ05K VZ	(a)	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	10	40,5	SMEWW 2540D:2023
7	VZ00U VZ	(a)	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0005)	0,041	SMEWW 3114C:2023
8	VZ010 VZ	(a)	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	0,004	SMEWW 3112B:2023
9	VZ0EE VZ	(a)	Cadimi	mg/l	KPH (LOD=0,01)	0,041	SMEWW 3120B:2023
10	VZ0ED VZ	(a)	Chì	mg/l	KPH (LOD=0,02)	0,081	SMEWW 3120B:2023
11	VZ05E VZ	(a)	Crôm VI	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,041	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12	VZ00X VZ	(a)	Crôm III	mg/l	KPH (LOD=0,01)	0,162	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500-Cr.B:2023
13	VZ0EC VZ	(a)	Kẽm	mg/l	< LOQ (0,1)	2,43	SMEWW 3120B:2023
14	VZ0E7 VZ	(a)	Niken	mg/l	< LOQ (0,1)	0,162	SMEWW 3120B:2023
15	VZ0E9 VZ	(a)	Sắt	mg/l	< LOQ (0,1)	0,81	SMEWW 3120B:2023
16	VZ00M VZ	(a)	Tổng xianua	mg/l	KPH (LOD=0,002)	0,057	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023
17	VZ07Y VZ	(a)	Florua (F ⁻)	mg/l	0,99	4,05	SMEWW 4110B:2023
18	VZ00D VZ	(a)	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	KPH (LOD=0,5)	4,05	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023

AR-26-VZ-012124-01 / EUVN004-00011020- Trang 1 / 2



AR-26-VZ-012124-01 / EUVN004-00011020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
19	VZ00Q VZ (a) Tổng nitơ	mg/l	10,4	16,2	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
20	VZ00P VZ (a) Tổng phospho	mg/l	0,21	3,24	SMEWW 4500-P.B&D:2023

LOD: giới hạn phát hiện
LOQ: giới hạn định lượng
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 10 tháng 09 năm 2026



Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 327.
"S4": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERTS 304.



AR-26-VZ-012217-01 / EUVN004-00011020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH HẠ TẦNG SOJITZ VIỆT NAM
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Bình An, TP Đồng Nai, Việt Nam
Ngày gửi mẫu : 26/08/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Nước thải - Sau xử lý KCN Long Đức (chai 5l)
(Mẫu 2, thời gian lấy mẫu 10 giờ 00 phút ngày 26/8/2026)
Tình trạng mẫu : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa
Mã số mẫu : 607-2026-00009114

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ16K S4 Tổng Phenol	mg/l	< LOQ (0,0045)	0,081	SMEWW 5530.B&C:2023
2	VZ16H S4 Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=1)	4,05	SMEWW 5520.B&F:2023
3	VZ16I S4 Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,03)	0,81	SMEWW 4500-Cl-.G:2023
4	VZ16J S4 Tổng Coliform	MPN/100 ml	1,1x10 ¹	3000	SMEWW 9221B:2023

LOD: giới hạn phát hiện
LOQ: giới hạn định lượng
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 16 tháng 09 năm 2026

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
"S4": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERTS 304.